TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Vũ Thị Yến.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng
Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 662/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/01/2025; giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Hoàng Văn T**, sinh năm 1992
- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1997

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản

Người được anh T, chị Y ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: Số B, khu A, phường T, thành phố H.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1973 ; địa chỉ : Thôn P, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

(Anh T4, chị Y, ông H, ông T1 đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của anh Hoàng Văn T, bị đơn chị Nguyễn Thị Y cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện :

Anh T4 và chị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 30/12/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Năm 2019 anh T4 sang làm việc tại Nhật Bản, năm 2020 chị Y cũng đi lao động tại N, vợ chồng mỗi người sống một nơi, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai

bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Anh T4 và chị Y đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xem xét, giải quyết cho anh chị được ly hôn.

2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh T4 và chị Y có 01 con chung là cháu Hoàng Mai Bích T2, sinh ngày 12/12/2016; hiện cháu đang sống cùng ông ngoại là ông Phạm Văn T3. Anh T4 và chị Y cùng đề nghị Toà án giao cháu Hoàng Mai Bích T2 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị Y làm việc tại Nhật Bản, đề nghị Toà án tạm giao cháu T2 cho ông ngoại chăm sóc cho đến khi chị Y về nước để không làm xáo trộn việc sinh hoạt, học hành của cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Y tự nguyện không yêu cầu anh T4 cấp dưỡng nuôi con chung, anh T4 nhất trí.

3. Về tài sản chung, nợ chung*:* Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn và các chi phí tố tụng khác: Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Anh T4 và chị Y đề nghị được vắng mặt trong tất cả các phiên họp, buổi làm việc, phiên toà xét xử và toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Anh, chị ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H giao tài liệu chứng cứ, nhận các văn bản tố tụng, bản án, Quyết định của TAND tỉnh Hải Dương.

Ông H đồng ý nhận ủy quyền, cam kết sẽ giao các văn bản tố tụng của TAND tỉnh Hải Dương cho anh T4, chị Y; ông H đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc, tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 có quan điểm đồng ý thay chị Y chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Hoàng Mai Bích T2, ông không yêu cầu anh T4, chị Y đóng góp tiền nuôi cháu T2 cùng ông; đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa.

Cháu T2 có nguyện vọng xin được ở cùng mẹ Nguyễn Thị Y.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương : Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX, xử cho anh T4 được ly hôn chị Y; giao con chung Hoàng Mai Bích T2, sinh ngày 12/12/2016 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; tạm giao cháu T2 cho ông Nguyễn Văn T1 chăm sóc và nuôi dưỡng trong thời gian chị Y không có mặt tại địa phương; anh T4 không phải cấp dưỡng nuôi con, anh T4 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Anh T4, chị Y có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương; hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu do anh T4, chị Y gửi từ Nhật Bản về đều có xác nhận của Đại sứ quán của Việt Nam tại Nhật Bản nên có căn cứ xác định là đúng quan điểm của anh T4, chị Yến

Anh Tuấn, chị Y, ông T1 đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt, nên căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2]. *Về nội dung:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T4, chị Y tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 30/12/2015, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Anh T4 và chị Y đều có quan điểm xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cùng đề nghị TAND tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T4, chị Y đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T4.

- Về con chung: Anh T4 và chị Y đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Mai Bích T2, sinh ngày 12/12/2016; hiện cháu đang sống cùng ông ngoại là ông Phạm Văn T3; anh chị cùng có quan điểm giao con cho chị Y chăm sóc và nuôi dưỡng, chị Y tự nguyện không yêu cầu anh T4 cấp dưỡng nuôi con. Thời gian chị Y chưa về nước thì tạm giao cho ông T3 nuôi dưỡng cháu T2. Ông T3 có quan điểm nhất trí thay chị Y chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu anh T4, chị Y phải đóng góp tiền nuôi dưỡng nuôi con cùng ông.

Xét thấy hiện nay cháu T2 đang sinh sống cùng ông T3 và anh T4 cũng không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc cháu T2 nên cần chấp nhận đề nghị của chị Y và anh T4 giao cháu Hoàng Mai Bích T2, sinh ngày 12/12/2016 cho chị Y chăm sóc và nuôi dưỡng, tạm giao cháu T2 cho ông Nguyễn Văn T1 thay chị Y chăm sóc và nuôi dưỡng trong thời gian chị Y không có mặt ở Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: anh T4, Chị Y, đều không đề nghị giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[3]. *Về án phí:* Anh T4 phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết

số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Y

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Hoàng Mai Bích T2, sinh ngày 12/12/2016 cho chị Nguyễn Thị Y chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tạm giao cháu Hoàng Mai Bích T2, sinh ngày 12/12/2016 cho ông Nguyễn Văn T1 chăm sóc và nuôi dưỡng trong thời gian chị Y không có mặt ở Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của ông T1 không yêu cầu anh T và chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hoàng Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0005398 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T4 đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ông T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh T4 và chị Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Liên Hồng, TP Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến